

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/DS-ST

Ngày: 27-7-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Phan Văn Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 185/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-DS ngày 10/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Mai Thị Kim Ng**, sinh năm 1973,

Địa chỉ: ấp PH, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1986,

Địa chỉ: số 546A AB, KP 7, Phường A, Tp. MT, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền ngày 17/5/2018).

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hằng N**, sinh năm 1990,

Địa chỉ: ấp CL, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1986,

Địa chỉ: ấp CL, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền ngày 02/7/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp CL, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(anh T, chị L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày: Chị Ng có cho chị N vay tiền hai lần tổng cộng là 150.000.000 đồng vào các ngày cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 15/05/2017 âm lịch (ngày dương lịch 09/6/2017), số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn, thời hạn vay là hai tháng tức là trả vào ngày 15/7/2017 âm lịch (dương lịch ngày 05/9/2017), hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/ tháng nhưng không có ghi vào biên nhận mượn tiền. Theo biên nhận này có ghi chị N có đồng ý cầm căn nhà có diện tích 3m6 x 12m thuộc lô 2 tại chợ Ngã năm, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Ng, nhưng thực tế hai bên không có cầm cố thế chấp căn nhà này, nên chị Ng không yêu cầu giải quyết đối với căn nhà. Từ khi vay đến thời hạn trả nợ vay, chị N không có trả vốn gốc và lãi lần nào cho chị Ng.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 12/2017 chị Ng cho chị N vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay cũng để làm ăn, thời hạn vay là hai tháng, lãi suất thỏa thuận cũng là 3%/ tháng. Hai bên có làm giấy nợ, cũng như lần trước chị N đến hạn trả nợ thì không có trả vốn gốc và lãi lần nào. Sau đó đến ngày 22/4/2018 thì chị Trúc L là chị ruột của chị N có đến gặp chị Ng và trả dùm cho chị N số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng. Chị Ng mới viết giấy “Chị Ng có nhận của L trả nợ cho N 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn) N còn thiếu lại của chị Ng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)”. Đồng thời chị Ng trả lại giấy nợ cho chị N. Như vậy số tiền vay 50.000.000 đồng chị N đã trả xong, chỉ còn nợ lại chị Ng 100.000.000 đồng.

Nên chị Ng có nộp đơn khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tạm tính là 7.200.000 đồng (với lãi suất là 0,8%/ tháng tính từ ngày 05/9/2017 dương lịch đến ngày 05/5/2018 dương lịch là 09 tháng) và tính lãi tiếp theo cho đến khi Tòa án xét xử.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, anh T đại diện theo ủy quyền của chị Ng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu trả lãi, mà chỉ yêu cầu chị N trả số tiền vốn gốc còn lại là 100.000.000 đồng cho chị Ng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 26/6/2018 và bản tự khai bổ sung ngày 02/7/2018 bị đơn là chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày: Chị thừa nhận vào ngày 15/5/2017 âm lịch chị có vay của chị Ng số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là hai tháng, mục đích vay để làm ăn, lãi suất thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng. Chị có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 15/5/2017, trong biên nhận mượn tiền này chị có đồng ý cầm cố căn nhà có diện tích 3m6 x 12m thuộc lô 2 tại chợ Ngã năm, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Ng, nhưng thực tế hai bên không có cầm cố thế chấp căn nhà này. Quá trình vay chị có trả lãi cho chị Ng được 50.000.000 đồng tiền lãi do chị ruột là Nguyễn Thị Trúc L trả dùm cho chị. Chị thừa nhận còn nợ lại chị Ng số tiền vay vốn gốc là 100.000.000

đồng. Do làm ăn thất bại nên chị không có tiền trả nợ cho chị Ng. Chị chỉ vay chị Ng có một lần là 100.000.000 đồng, không có vay 50.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng, chị đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị Ng với lãi suất 0,8%/ tháng bằng cách lấy số tiền 50.000.000 đồng trừ vào tiền lãi, còn lại bao nhiêu thì cần trừ tiếp vào số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, số tiền vốn gốc còn lại bao nhiêu thì chị đồng ý trả bấy nhiêu. Nhưng xin trả dần 03 tháng trả một lần, mỗi lần trả là 2.000.000 đồng, trả đến khi hết số nợ thì thôi.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của chị N là chị Nguyễn Thị Trúc L đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không yêu cầu chị N trả lãi. Do đó đối với số tiền vốn gốc còn lại 100.000.000 đồng chị L xin cần trừ vào số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại xin trả dần ba tháng trả một lần, mỗi lần trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ thì thôi. Đối với căn nhà có diện tích 3m6 x 12m thuộc lô 2 tại chợ Ngã năm, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì chị N thực tế không có cầm thế chấp cho chị Ng, nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 02/7/2018 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Chị thừa nhận em chị là Nguyễn Thị Hằng N có vay của chị Ng số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng, chỉ vay số tiền này không có vay số tiền nào khác. Chị đã trực tiếp trả tiền lãi dùm cho N là 50.000.000 đồng và còn nợ lại vốn gốc 100.000.000 đồng. Chị yêu cầu cần trừ số tiền 50.000.000 đồng mà chị đã trả dùm cho N vào số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 50.000.000 đồng xin trả dần, ba tháng trả một lần, mỗi lần trả là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Vì hiện nay gia đình chị N rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên Tòa hôm nay, anh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu chị N trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu trả lãi đối với chị N.

[3] Tại phiên Tòa hôm nay, anh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và chị Trúc L là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, cùng thống nhất số tiền vay mà chị N còn nợ lại chị Ng là 100.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, đủ cơ sở xác định chị N có vay chị Ng 100.000.000 đồng.

[4] Đối với số tiền 50.000.000 đồng, chị L trình bày trả vào ngày 22/4/2018 âm lịch là tiền lãi mà chị trả dùm cho chị N trong số tiền vay vốn gốc 100.000.000 đồng. Xét thấy lời trình bày của chị L về việc chị N có trả lãi cho chị Ng là không có cơ sở. Bởi lẽ tại giấy trả nợ ngày 22/4/2018 có ghi “Chị Ng có nhận của L trả nợ cho N 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn) N còn thiếu lại của chị Ng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)”. Giấy này do chị N cung cấp cho Tòa không có ghi xác định trả lãi 50.000.000 đồng mà lại ghi trả nợ cho N 50.000.000 đồng. Đồng thời anh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng này là tiền lãi, mà là tiền vay chị N trả cho khoản nợ vay khác.

Mặt khác, việc chị L trình bày chị N trả lãi cho chị Ng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 6.000.000 đồng /1 tháng nhưng không có ghi vào biên nhận mượn tiền (lãi suất tính từ ngày 15/5/2017 âm lịch đến ngày 22/4/2018 âm lịch) là 9 tháng tiền lãi, thành tiền là 54.000.000 đồng, do chỗ quên biết chị Ng giảm cho chị N 4.000.000 đồng và đồng ý nhận 50.000.000 đồng. Lời khai này cũng không phù hợp vì tính đến ngày 22/4/2018 âm lịch thì chị N phải trả cho chị Ng là 11 tháng tiền lãi.

Từ phân tích trên, do đó đủ cơ sở xác định chị N chỉ trả vốn vay 50.000.000 đồng cho khoản nợ vay vào tháng 12/2017 chứ không phải trả lãi cho số nợ vay 100.000.000 đồng.

[5] Về phương thức trả nợ: Chị Trúc L đại diện theo ủy quyền của chị N, yêu cầu cản trừ số tiền 50.000.000 đồng mà chị đã trả dùm cho chị N vào số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng. Còn lại 50.000.000 đồng xin trả dần là ba tháng trả một lần, mỗi lần trả là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Như đã phân tích ở trên số tiền 50.000.000 đồng mà chị Trúc L trả dùm cho chị N là khoản tiền vay khác, không liên quan đến số nợ vay 100.000.000 đồng ngày 15/5/2017 âm lịch mà chị Ng khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận cản trừ số tiền 50.000.000 đồng vào số tiền vốn vay 100.000.000 đồng.

[6] Về thời gian trả nợ: Anh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị N trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Trúc L đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin trả dần, ba tháng trả một lần, mỗi lần trả là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa hôm nay anh T không đồng ý cho chị N trả dần. Bởi vì, chị đã vi phạm sự thỏa thuận kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt hại quyền lợi cho chị Ng. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc chị N trả số tiền 100.000.000 đồng cho chị Ng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Ng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể (100.000.000 đồng x 5%) là 5.000.000 đồng. Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Kim Ng.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Kim Ng đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị Hằng N trả lãi.

- Buộc chị Nguyễn Thị Hằng N hoàn trả cho chị Mai Thị Kim Ng số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho chị Mai Thị Kim Ng 2.680.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 15632 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THA DS;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Phan Minh Trâm